

Số: 297/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày 25 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, TĐC bổ sung dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ các Nghị định của chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 30/201/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Lai Châu: Số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 14/2021/QĐ-UBND ngày 04/5/2021 về việc Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện Thông*

52 - M

100



báo thu hồi đất; quyết định thu hồi đất; phê duyệt và thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 ; số 1797/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 21/02/2022 của UBND thành phố Lai Châu về phê duyệt Thiết kế kỹ thuật - dự toán trích đo bản đồ địa chính phục vụ công tác lập hồ sơ bồi thường và cắm mốc GPMB xây dựng công trình: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND thành phố Lai Châu về phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất cho 02 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số ~~1014~~/TTr-TNMT ngày 24/11/2022.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả là: **689.081.423 đồng**.

(Bằng chữ: Sáu trăm tám mươi chín triệu, không trăm tám mươi một nghìn, bốn trăm hai mươi ba đồng).

### Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	<b>689.081.423 đồng</b>
+ Về đất:	106.326.900 đồng
+ Về tài sản vật kiến trúc:	142.836.111 đồng
+ Về cây cối, hoa màu:	14.610.812 đồng
+ Về chính sách hỗ trợ	425.307.600 đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)





2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

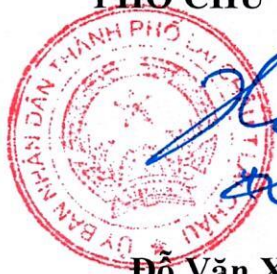
- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Giám đốc Ban quản lý dự án thành phố; Chủ tịch UBND xã San Thàng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

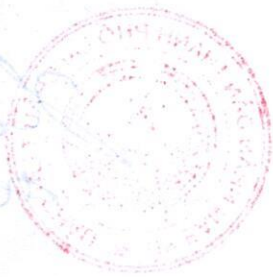
**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Văn Xiêng**





**PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ**  
**Dự án: Hệ thống thoát nước thải sinh hoạt thành phố Lai Châu**

(Kèm theo Quyết định số: 2297 /QĐ-UBND, ngày 25 tháng 11 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4*5	7
<b>A</b>	<b>Tổng cộng</b>				<b>689.081.423</b>	
<b>1</b>	<b>Chi trả cho chủ sở hữu</b>				<b>689.081.423</b>	
a	Đất				106.326.900	
b	Tài sản, VKT				142.836.111	
c	Cây cối hoa màu				14.610.812	
d	Chính sách hỗ trợ				425.307.600	
<b>B</b>	<b>Chi tiết cho các hộ dân</b>				<b>689.081.423</b>	
<b>1</b>	<b>Hộ gia đình bà ông Trịnh Văn Dự (vợ Nguyễn Thị Nhậm)</b>					
	Địa chỉ: bản Phan Lìn, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)					<b>304.719.572</b>
<b>a</b>	<b>Về đất</b>					<b>35.368.300</b>
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	955,9			
2	Loại đất					
	Đất trồng lúa 1 vụ	m <sup>2</sup>	955,9	37.000	35.368.300	
	Vị trí (VT1) (KV1)					
	<p>Gia đình bị thu hồi 03 thửa đất tổng diện tích 955,9 m<sup>2</sup> (diện tích thu hồi có sự sai số so với bản đồ địa chính) gồm các thửa 755, 758; tờ BĐ số 120. Thửa đất số 210, tờ BĐ số 121 (Theo BĐ trích đo thu hồi dự án) có nguồn gốc cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thửa đất số 755, tờ BĐ số 120 diện tích thu hồi 131,0 m<sup>2</sup>, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Diện tích 17,1 m<sup>2</sup> của thửa đất số 248 tờ bản đồ 120 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC321684 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 23/11/2012 mang tên ông Vũ Văn Dũng và bà Lê Thị Diệp. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Trịnh Văn Dự và bà Nguyễn Thị Nhậm quản lý, sử dụng có nguồn gốc do gia đình ông Dự khai hoang sử dụng vào mục đích trồng lúa trước năm 1993 đến nay. Nguyên nhân giấy chứng nhận cấp không đúng ranh giới chủ sử dụng đất.</li> <li>+ Diện tích 70,4 m<sup>2</sup> của thửa đất số 343, tờ BĐ số 120 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC466872 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 23/11/2012 mang tên ông Trịnh Văn Dự.</li> <li>+ Diện tích 43,5 m<sup>2</sup> của thửa đất số 283, tờ BĐ số 120 thông tin theo BĐ địa chính đang quy loại đất DTL do UBND xã quản lý. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Trịnh Văn Dự và bà Nguyễn Thị Nhậm quản lý, sử dụng có nguồn gốc do gia đình ông Dự khai hoang sử dụng mục đích đất lúa từ năm 1993. Hiện trạng giữa bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc năm 1998 có sai số và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998.</li> </ul> </li> <li>- Thửa đất số 758, tờ BĐ số 120 diện tích thu hồi 412,2 m<sup>2</sup>, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Diện tích 226,8 m<sup>2</sup> của thửa đất số 343, tờ BĐ số 120 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC466872 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 23/11/2012 mang tên ông Trịnh Văn Dự và bà Nguyễn Thị Nhậm.</li> <li>+ Diện tích 109,2 m<sup>2</sup> của thửa đất số 346, tờ BĐ số 120 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC321684 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 23/11/2012 mang tên ông Vũ Văn Dũng và bà Lê Thị Diệp. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Trịnh Văn Dự và bà Nguyễn Thị Nhậm quản lý, sử dụng có nguồn gốc do gia đình ông Dự khai hoang và sử dụng mục đích trồng lúa từ năm 1993 đến nay. Nguyên nhân do giấy chứng nhận cấp sai, không đúng chủ sử dụng đất. Đề nghị phòng Tài nguyên và Môi trường và UBND thành phố Lai Châu thu hồi lại giấy chứng nhận đối với hộ gia đình ông Vũ Văn Dũng tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.</li> <li>+ Diện tích 76,4 m<sup>2</sup> của thửa đất số 283, tờ BĐ số 120 thông tin theo BĐ địa chính đang quy loại đất DTL do UBND xã quản lý. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Trịnh Văn Dự và bà Nguyễn Thị Nhậm quản lý, sử dụng có nguồn gốc do gia đình ông Dự khai hoang và sử dụng mục đích đất trồng lúa từ năm 1993 đến nay. Hiện trạng giữa bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc năm 1998 có sai số và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998.</li> </ul> </li> <li>- Thửa đất số 210, tờ BĐ số 121 diện tích thu hồi 412,7 m<sup>2</sup>, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Diện tích 49,6 m<sup>2</sup> của thửa đất số 99, tờ BĐ số 121 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC31435 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 4/1/2012 mang tên ông Vàng A Kèo và bà Vui Thị Cháp. Ngày 24/5/2022 gia đình ông Vàng A Kèo và bà Vui Thị Cháp đã chuyển nhượng QSD đất cho bà Nguyễn Thị Nhậm theo hợp đồng chuyển nhượng QSD đất số chứng thực: 03, quyền số 01-SCT/HGDĐ do UBND xã San Thàng lập ngày 24/5/2022.</li> <li>+ Diện tích 109,2 m<sup>2</sup> của thửa đất số 131 và 4,2 m<sup>2</sup> của thửa đất số 100, tờ BĐ số 121 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC466823 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 23/11/2012 mang tên ông Vàng Văn Bích và bà Phan Thị Sửu. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Trịnh Văn Dự và bà Nguyễn Thị Nhậm quản lý, sử dụng có nguồn gốc do gia đình ông Dự khai hoang và sử dụng vào mục đích trồng lúa từ năm 1993 đến nay. Hiện trạng giữa bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc năm 1998 có sai số và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998.</li> <li>+ Diện tích 146,2 m<sup>2</sup> của thửa đất số 283, tờ BĐ số 120 thông tin theo BĐ địa chính đang quy loại đất DTL do UBND xã quản lý. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Trịnh Văn Dự và bà Nguyễn Thị Nhậm quản lý, sử dụng có nguồn gốc do gia đình ông Dự khai hoang sử dụng vào mục đích trồng lúa từ năm 1993 đến nay. Hiện trạng giữa bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc năm 1998 có sai số và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998.</li> <li>+ Diện tích 100,6 m<sup>2</sup> của thửa đất số 214, tờ BĐ 120 thông tin theo BĐ địa chính đang quy loại đất BCS do UBND xã quản lý. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Trịnh Văn Dự và bà Nguyễn Thị Nhậm quản lý, sử dụng có nguồn gốc do gia đình Dự khai hoang và sử dụng đất trồng lúa từ năm 1993 đến nay. Hiện trạng giữa bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc năm 1998 có sai số, đo đạc, quy chủ chưa chính xác và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998.</li> </ul> </li> </ul> <p>Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.</p>					





TT	Tên các hạng mục	DVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4*5	7
<b>b</b>	<b>Tài sản vật kiến trúc</b>				<b>124.614.072</b>	
<p>Toàn bộ tài sản trên thửa đất số 99 tờ bản đồ 121 do ông Vàng Văn Kèo tạo lập năm 2011 để giữ đất và chắn nước lũ tràn vào ruộng sau đó chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho gia đình ông Trịnh Văn Dự.</p> <p>Toàn bộ tài sản trên thửa đất số 343, 346 tờ bản đồ 120 do gia đình ông Trịnh Văn Dự tạo lập năm 2011 để giữ đất và chắn nước lũ tràn vào ruộng.</p> <p>Tài sản tạo lập phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất (bồi thường bằng 100% mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)</p>						
1	Kè đá xây (120*2,7*0,8) kè suối	m <sup>3</sup>	259,2	392.700	101.787.840	
2	Kè đá xây (2,7*0,8*26) kè suối	m <sup>3</sup>	56,2	392.700	22.054.032	
3	Đất đắp bờ suối (tính bằng đắp đất bằng máy trong phạm vi 50 m) (26*2,7*1)	m <sup>3</sup>	70,2	11.000	772.200	
<b>c</b>	<b>Cây trồng, vật nuôi</b>				<b>3.264.000</b>	
1	Cây ăn quả trồng hạt năm thứ 4 (giáp bờ suối)	Cây	3,0	192.000	576.000	
2	Sản lượng lúa 600m <sup>2</sup> *5,6 tấn/ha/năm	kg	336,0	8.000	2.688.000	
<b>d</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>				<b>141.473.200</b>	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m <sup>2</sup>	955,9	148.000	141.473.200	
<b>2</b>	<b>Hộ gia đình bà Vàng Thị Vui (chồng là ông Trần Văn Chom)</b>					
	Địa chỉ: bản Phan Lin, xã San Thành, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				<b>46.422.600</b>	
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>9.065.000</b>	
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	245,0			
2	Loại đất					
	Đất trồng lúa 1 vụ	m <sup>2</sup>	245,0	37.000	9.065.000	
	Vị trí (VT1) (KV1)					
<p>Nguồn gốc: Gia đình bị thu hồi 02 thửa đất tổng diện tích 245m<sup>2</sup> (diện tích thu hồi có sự sai số so với bản đồ địa chính) gồm các thửa 735, 740; tờ BĐ số 120 (theo BĐ trích đo thu hồi dự án) có nguồn gốc cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thửa đất số 735, tờ BĐ số 120 diện tích thu hồi 8,5 m<sup>2</sup>, diện tích 8,5 m<sup>2</sup> của thửa đất số 3, tờ BĐ số 120 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BM034673 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 7/11/2013 mang tên ông Trần Văn Chom và bà Vàng Thị Vui.</li> <li>- Thửa đất số 740, tờ BĐ số 120 diện tích thu hồi 236,5 m<sup>2</sup>, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Diện tích 27,7 m<sup>2</sup> của thửa đất số 3, 68; tờ BĐ số 120 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BM034673 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 7/11/2013 mang tên ông Trần Văn Chom và bà Vàng Thị Vui.</li> <li>+ Diện tích 4,4 m<sup>2</sup> của thửa đất số 69, tờ BĐ số 121 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC467244 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 5/12/2012 mang tên ông Trần Văn Sơn và bà Trần Thị Ngay. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Trần Văn Chom và bà Vàng Thị Vui đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc do bố là ông Trần A Ny khai hoang sử dụng đất trồng lúa từ năm 1993 sau đó cho con trai là ông Trần Văn Chom (không có giấy tờ cho tặng). Hiện trạng giữ bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc năm 1998 có sai số và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998.</li> <li>+ Diện tích 9,2 m<sup>2</sup> của thửa đất số 17, tờ BĐ số 121 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC468184 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 2/2/2012 mang tên ông Trần A Ny và bà Lù Thị Mai. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Trần Văn Chom và bà Vàng Thị Vui đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc do bố là ông Trần A Ny khai hoang sử dụng đất trồng lúa từ năm 1993 sau đó cho con trai là ông Trần Văn Chom (không có giấy tờ cho tặng). Hiện trạng giữ bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc năm 1998 có sai số và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998.</li> <li>+ Diện tích 10,9 m<sup>2</sup> của thửa đất số 67, tờ BĐ số 121 thông tin theo BĐ địa chính đang quy loại đất BCS do UBND xã quản lý. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Trần Văn Chom và bà Vàng Thị Vui đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc do bố là ông Trần A Ny khai hoang sử dụng đất trồng lúa từ năm 1993 sau đó cho con trai là ông Trần Văn Chom (không có giấy tờ cho tặng). Hiện trạng giữ bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc năm 1998 có sai số và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998.</li> <li>+ Diện tích 184,3 m<sup>2</sup> của thửa đất số 725, tờ BĐ số 120 thông tin theo BĐ địa chính đang quy loại đất DTL do UBND xã quản lý. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Trần Văn Chom và bà Vàng Thị Vui đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc do bố là ông Trần A Ny khai hoang sử dụng đất trồng lúa từ năm 1993 sau đó cho con trai là ông Trần Văn Chom (không có giấy tờ cho tặng). Hiện trạng giữ bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc năm 1998 có sai số và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998.</li> </ul> </li> </ul> <p>Đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp.</p>						



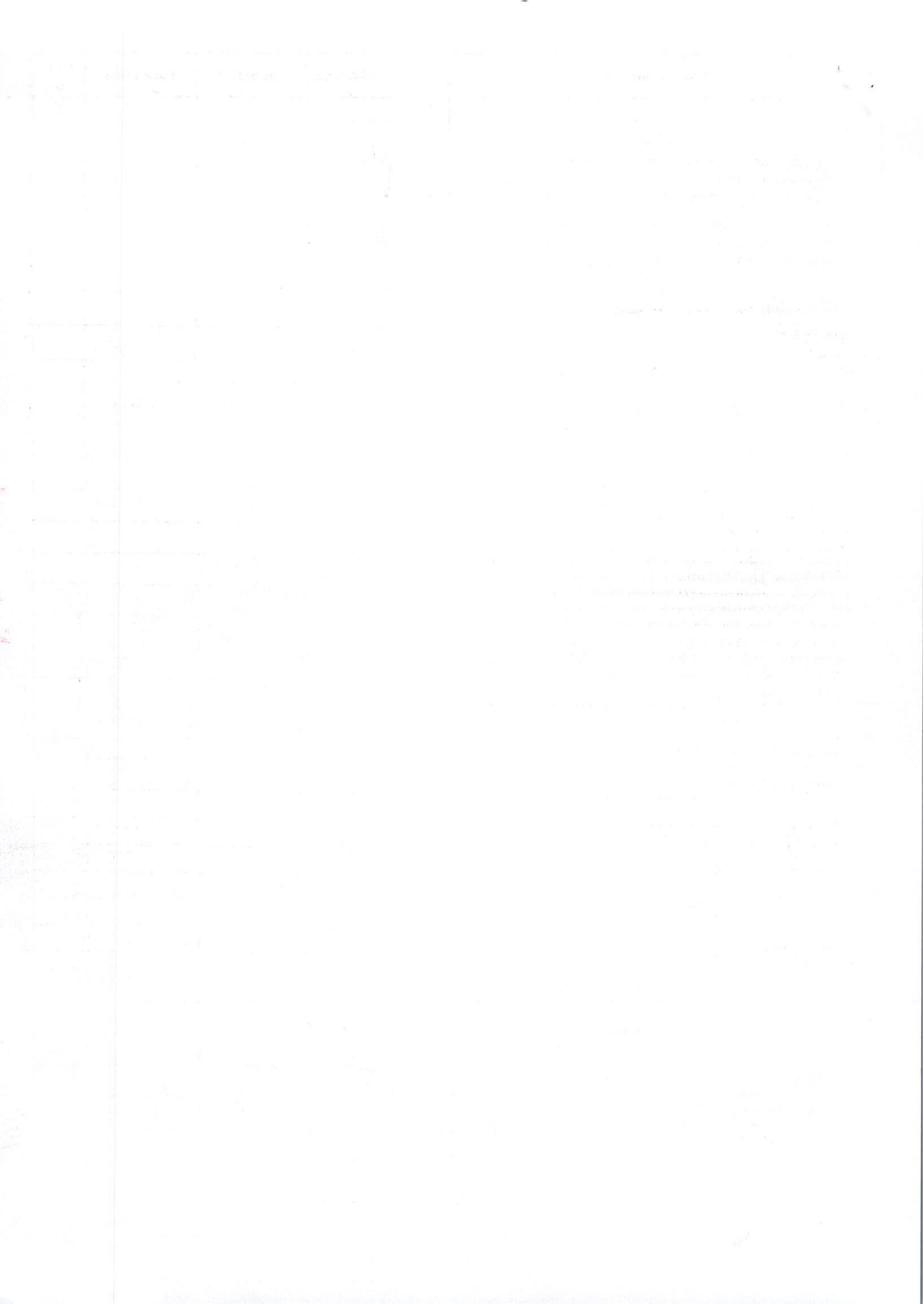


TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4*5	7
<b>b</b>	<b>Cây trồng, vật nuôi</b>				<b>1.097.600</b>	
1	Sản lượng lúa 245m <sup>2</sup> *5,6 tấn/ha/năm	kg	137,2	8.000	1.097.600	
<b>c</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>				<b>36.260.000</b>	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m <sup>2</sup>	245,0	148.000	36.260.000	
<b>3</b>	<b>Hộ gia đình bà Trần Thị Khơi</b>					
	Địa chỉ: bản Căng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)					<b>150.360.878</b>
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>27.287.500</b>	
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	737,5			
2	Loại đất					
	Đất trồng lúa 1 vụ	m <sup>2</sup>	737,5	37.000	27.287.500	
	Vị trí (VT1) (KV1)					
	<p>Nguồn gốc: Gia đình bị thu hồi 02 thửa đất tổng diện tích thu hồi 737,5 m<sup>2</sup> (diện tích thu hồi có sự sai số so với bản đồ địa chính) gồm các thửa 737, 738; tờ BĐ số 120 (Theo BĐ trích đo thu hồi dự án) có nguồn gốc cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thửa đất số 737, tờ BĐ số 120 diện tích thu hồi 627,3 m<sup>2</sup>, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Diện tích 550,9 m<sup>2</sup> của thửa đất số 66, 71, 72, 74; tờ bản đồ số 120 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BM089179 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 16/10/2013 mang tên bà Trần Thị Khơi.</li> <li>+ Diện tích 50,6 m<sup>2</sup> của thửa đất số 65, 73, 75; tờ bản đồ số 120 thông tin theo bản đồ địa chính đang thể hiện loại đất BCS do UBND xã quản lý. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do bà Trần Thị Khơi đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc do bố là ông Trần A Ny khai hoang sử dụng đất trồng lúa từ năm 1993 sau đó tặng cho con (không có giấy tờ cho tặng). Hiện trạng giữa bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc năm 1998 có sai số và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998.</li> </ul> </li> <li>- Thửa đất số 738, tờ BĐ số 120 diện tích thu hồi 110,2 m<sup>2</sup>, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Diện tích 96,7 m<sup>2</sup> của thửa đất số 725, tờ bản đồ số 120 thông tin theo bản đồ địa chính đang thể hiện loại đất DTL do UBND xã quản lý. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do bà Trần Thị Khơi đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc do ông Trần A Ny khai hoang sử dụng đất trồng lúa từ năm 1993 sau đó tặng cho con (không có giấy tờ cho tặng). Hiện trạng giữa bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc năm 1998 có sai số và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998.</li> </ul> </li> </ul> <p>Đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp.</p>					
<b>b</b>	<b>Tài sản vật kiến trúc</b>				<b>10.731.798</b>	
	<p>Tài sản do ông Trần A Ny tạo lập năm 2006 sau khi tặng cho quyền sử dụng đất đồng thời tặng cho cả tài sản gắn liền với đất. Tài sản phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất (bồi thường bằng 100% mức bồi thường theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)</p>					
1	Kè đá xếp khan (1,4*0,6*7,5) (kè giữ đất)	m <sup>3</sup>	6,3	141.900	893.970	
2	Hào đào thủ công (1,4*7,5*2)	m <sup>3</sup>	21	82.500	1.732.500	
3	Kè đá xếp khan (1,7*0,6*56) (kè giữ đất)	m <sup>3</sup>	57,12	141.900	8.105.328	
<b>c</b>	<b>Cây trồng, vật nuôi</b>				<b>3.191.580</b>	
1	Cây lấy gỗ D 10-25 cm	Cây	1,0	42.000	42.000	
2	Cây Xoan D 35, H5m: 2 cây	m <sup>3</sup>	1,0	480.000	461.580	





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4*5	7
3	Sản lượng lúa 600m*5,6 tấn/ha/năm	kg	336,0	8.000	2.688.000	
<b>d</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>				<b>109.150.000</b>	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m <sup>2</sup>	737,5	148.000	109.150.000	
<b>4</b>	<b>Hộ gia đình ông Vàng Văn Bích</b>					
	Địa chỉ: bản Phan Lin, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)					<b>8.979.560</b>
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>1.753.800</b>	
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	47,4			
2	Loại đất					
	Đất trồng lúa 1 vụ	m <sup>2</sup>	47,4	37.000	1.753.800	
	Vị trí (VT1) (KV1)					
	<p>Nguồn gốc: Gia đình bị thu hồi 02 thửa đất tổng diện tích thu hồi 47,4 m<sup>2</sup> (diện tích có sự sai số so với bản đồ địa chính) gồm các thửa 212, 213; tờ BĐ số 121 (theo BĐ trích đo thu hồi dự án) có nguồn gốc cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thửa đất số 212, tờ BĐ số 121 diện tích thu hồi 1,5 m<sup>2</sup>, diện tích 1,5 m<sup>2</sup> của thửa đất số: 131, 132; tờ bản đồ số 121 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC466823 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 23/11/2012 mang tên ông Vàng Văn Bích và bà Phan Thị Sứ.</li> <li>- Thửa đất số 213, tờ BĐ số 121 diện tích thu hồi 45,9 m<sup>2</sup>, diện tích 45,9 m<sup>2</sup> của thửa đất số: 131; tờ bản đồ số 121 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC466823 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 23/11/2012 mang tên ông Vàng Văn Bích và bà Phan Thị Sứ.</li> </ul> <p>Đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp.</p>					
<b>b</b>	<b>Cây trồng, vật nuôi</b>				<b>210.560</b>	
1	Sản lượng lúa 47m <sup>2</sup> *5,6 tấn/ha/năm	kg	26,3	8.000	210.560	
<b>c</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>				<b>7.015.200</b>	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m <sup>2</sup>	47,4	148.000	7.015.200	
<b>5</b>	<b>Hộ gia đình ông Trần A Ny</b>					
	Địa chỉ: bản Căng Đẳng, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)					<b>21.986.741</b>
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>2.268.100</b>	
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	61,3			
2	Loại đất					
	Đất trồng lúa 1 vụ	m <sup>2</sup>	61,3	37.000	2.268.100	
	Vị trí (VT1) (KV1)					





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú	
1	2	3	4	5	6=4*5	7	
	<p>Nguồn gốc: Gia đình bị thu hồi 01 thửa đất tổng diện tích 61,3 m<sup>2</sup> (diện tích thu hồi có sự sai số so với bản đồ địa chính) là thửa đất số 207, tờ BĐ số 120 (Theo BĐ trích đo thu hồi dự án) có nguồn gốc cụ thể như sau:  - Thửa đất số 207, tờ BĐ số 120 diện tích thu hồi 61,3 m<sup>2</sup>, trong đó:  + Diện tích 54,9 m<sup>2</sup> của thửa đất số 17, tờ bản đồ số 121 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC468184 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 2/2/2012 mang tên ông Trần A Ny.  + Diện tích 1,6 m<sup>2</sup> của thửa đất số 69, tờ bản đồ số 120 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC327244 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 12/5/2012 mang tên ông Trần Văn San. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Trần A Ny và bà Lò Thị Mai đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc do ông Trần A Ny khai hoang sử dụng đất trồng lúa từ trước năm 1993 đến nay. Hiện trạng giữ bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc năm 1998 có sai số và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998.  Đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp.</p>						
<b>b</b>	<b>Tài sản vật kiến trúc</b>				<b>7.490.241</b>		
<b>b1</b>	<i>Tài sản tạo lập năm 2011 phục vụ sản xuất nông nghiệp, đúng mục đích sử dụng đất, khi tạo lập không bị lập biên bản vi phạm hành chính về xây dựng, tạo lập trước kế hoạch sử dụng đất bồi thường bằng 100% theo điểm c khoản 7 Điều 21 Quyết định 16/2020 ngày 4/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.</i>						
1	Hào đào thủ công (1*1,5*40,3)	m <sup>3</sup>	60,5	82.500	4.987.125		
2	Kè đá xếp khan (1,2*0,6*24,5)	m <sup>3</sup>	17,6	141.900	2.503.116		
<b>c</b>	<b>Cây trồng, vật nuôi</b>				<b>3.156.000</b>		
1	Cây lấy gỗ D 10-25 cm	Cây	3,0	42.000	126.000		
2	Cây tre D 5-10 cm	Cây	45,0	30.000	1.350.000		
3	Cây tre D>10 cm	Cây	35,0	48.000	1.680.000		
<b>d</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>				<b>9.072.400</b>		
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m <sup>2</sup>	61,3	148.000	9.072.400		
<b>6</b>	<b>Hộ gia đình ông Trần Văn San</b>						
	Địa chỉ: bản Cánh Đẳng, xã San Thành, thành phố Lai Châu						
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c)				<b>1.806.912</b>		
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>355.200</b>		
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	9,6				
2	Loại đất						
	Đất trồng lúa 1 vụ	m <sup>2</sup>	9,6	37.000	355.200		
	Vị trí (VT1) (KV1)						
	<p>Nguồn gốc: Gia đình bị thu hồi 01 thửa đất tổng diện tích thu hồi 9,6m<sup>2</sup> (diện tích thu hồi có sự sai số so với bản đồ địa chính) là thửa đất số 736, tờ BĐ số 120 (Theo BĐ trích đo thu hồi dự án) có nguồn gốc cụ thể như sau:  - Thửa đất số 736, tờ BĐ số 120 diện tích thu hồi 9,6 m<sup>2</sup>, diện tích 0,8 m<sup>2</sup> của thửa đất số 3, tờ BĐ số 120 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BM034673 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 7/11/2013 mang tên ông Trần Văn Chom và bà Vàng Thị Vui. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Trần Văn San và bà Trần Thị Ngay đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc do bố là ông Trần A Ny khai hoang sử dụng đất trồng lúa từ năm 1993 sau đó tặng cho con (không có giấy tờ cho tặng). Hiện trạng giữ bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc năm 1998 có sai số, đo đạc, quy chủ chưa chính xác và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998.  Đất sử dụng ổn định, không có tranh chấp.</p>						
<b>b</b>	<b>Cây trồng, vật nuôi</b>				<b>30.912</b>		
1	Sản lượng lúa 6,9m*5,6 tấn/ha/năm	kg	3,9	8.000	30.912		
<b>c</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>				<b>1.420.800</b>		





TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4*5	7
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m <sup>2</sup>	9,6	148.000	1.420.800	
7	<b>Hộ gia đình ông Vũ Văn Dũng (vợ Lã Thị Diệp)</b>					
	Địa chỉ: bản Phan Lìn, xã San Thàng, thành phố Lai Châu					
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				<b>154.805.160</b>	
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>30.229.000</b>	
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	817,0			
2	Loại đất					
	Đất trồng lúa 1 vụ	m <sup>2</sup>	817,0	37.000	30.229.000	
	Vị trí (VT1) (KV1)					
	<p>Nguồn gốc: Gia đình bị thu hồi 01 thửa đất tổng diện tích 817 m<sup>2</sup> (diện tích thu hồi có sự sai số so với bản đồ địa chính) là thửa đất số 751, tờ BĐ số 120 (Theo BĐ trích đo thu hồi dự án) có nguồn gốc cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thửa đất số 751, tờ BĐ số 120 diện tích thu hồi 817 m<sup>2</sup>, trong đó: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Diện tích 612,1 m<sup>2</sup> của thửa đất số 248, tờ BĐ số 120 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC321684 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 12/10/2012 mang tên ông Vũ Văn Dũng và bà Lã Thị Diệp.</li> <li>+ Diện tích 25,6 m<sup>2</sup> của thửa đất số 214, tờ BĐ 120 thông tin theo BĐ địa chính đang quy loại đất BCS do UBND xã quản lý. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Vũ Văn Dũng và bà Lã Thị Diệp quản lý, sử dụng có nguồn gốc do gia đình ông Vũ Văn Dũng khai hoang sử dụng mục đích trồng lúa từ trước năm 1993 đến nay. Hiện trạng giữ bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc năm 1998 có sai số và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998.</li> <li>+ Diện tích 50,3 m<sup>2</sup> của thửa đất số 131, tờ BĐ 121 đã được cấp GCN QSD đất số phát hành BC466823 do UBND TX Lai Châu (nay là TP Lai Châu) cấp ngày 23/11/2012 mang tên ông Vàng Văn Bích và bà Phan Thị Sứ. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Vũ Văn Dũng và bà Lã Thị Diệp quản lý, sử dụng có nguồn gốc do gia đình ông Vũ Văn Dũng khai hoang sử dụng mục đích trồng lúa từ trước năm 1993 đến nay. Hiện trạng giữ bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc năm 1998 có sai số và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998.</li> <li>+ Diện tích 127,4 m<sup>2</sup> của thửa đất số 283, tờ BĐ 120 thông tin theo BĐ địa chính đang quy loại đất DTL do UBND xã quản lý. Tuy nhiên phần diện tích này hiện do gia đình ông Vũ Văn Dũng và bà Lã Thị Diệp quản lý, sử dụng có nguồn gốc do gia đình ông Vũ Văn Dũng khai hoang sử dụng mục đích trồng lúa từ trước năm 1993 đến nay. Hiện trạng giữ bản đồ đo đạc địa chính và bản đồ thu hồi đất không khớp nhau. Nguyên nhân do bản đồ đo đạc năm 1998 có sai số và bản đồ năm 2013 là số hóa từ bản đồ đo đạc năm 1998.</li> </ul> </li> </ul> <p>Đất sử dụng ổn định, không tranh chấp.</p>					
<b>c</b>	<b>Cây trồng, vật nuôi</b>				<b>3.660.160</b>	
1	Sản lượng lúa 817 m <sup>2</sup> *5,6 tấn/ha/năm	kg	457,5	8.000	3.660.160	
<b>d</b>	<b>Chính sách hỗ trợ</b>				<b>120.916.000</b>	
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 4 lần giá đất lúa 1 vụ theo điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu	đồng/m <sup>2</sup>	817,0	148.000	120.916.000	

